

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 6 - 2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng.

*Các Hội thẩm **nhân dân**:*

1. Ông Trần Hoàng Liên.

2. Ông Lê Huỳnh Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 952/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T - sinh năm 1996 (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

2/ *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn T - sinh năm 1995 (*Vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, phường MB, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 12 năm 2022, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Tấn T tự nguyện tìm hiểu và quen biết nhau khoảng vài tháng thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, tự nguyện

chung sống với nhau từ năm 2016; đến ngày 28/11/2017 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MB, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không chịu làm ăn nên vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc dẫn đến cãi vã. Bà khuyên nhủ nhưng ông T không thay đổi. Vợ chồng tính tình không hợp nhau, không hòa hợp được các vấn đề của đời sống chung nên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn không được hóa giải, ngày càng trầm trọng. Bà và ông T không sống chung từ tháng 10 năm 2022 đến nay, không quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống. Trong thời gian Tòa án tạo điều kiện cho ông T để hàn gắn mâu thuẫn với bà nhưng ông T không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà còn đe dọa sẽ giết bà. Bà không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với ông T nên yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Tấn T có 02 con chung tên là Nguyễn Tấn Đ - sinh ngày 19/01/2017 và Nguyễn Khánh M - sinh ngày 29/12/2021. Các con hiện sống với bà; khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Bà làm nghề may, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông Nguyễn Tấn T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại “Đơn xin xét xử vắng mặt” ngày 06/6/2023, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim T vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và những ý kiến đã khai tại Tòa án.

Bị đơn là ông Nguyễn Tấn T trình bày tại “Bản tự khai” và “Biên bản lấy lời khai của đương sự” ngày 11/4/2023; trong quá trình tố tụng tại tòa án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện tìm hiểu và quen biết nhau khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016; đến ngày 28/11/2017 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MB, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Khi tổ chức đám cưới xong ông và bà T về chung sống tại gia đình nhà bà T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, chỉ thỉnh thoảng có mâu thuẫn về tiền bạc, bà T có cãi vã với ông nhưng ông không cãi lại bà T. Ông vẫn còn tình cảm với bà T, vẫn yêu thương các con nên mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, lo cho các con. Nếu bà T vẫn kiên quyết ly hôn thì ông vẫn không đồng ý ly hôn. Ông T đề nghị Tòa án tạo điều kiện về thời gian để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn; đến ngày 11/5/2023 nếu ông T và bà T không hàn gắn được mâu thuẫn và vợ chồng không đoàn tụ thì ông T đồng ý để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị Kim T có 02 con chung tên là Nguyễn Tấn Đ - sinh ngày 19/01/2017 và Nguyễn Khánh M - sinh ngày 29/12/2021. Ông không đồng ý ly hôn bà T nên không có ý kiến gì về con. Ông làm nghề phụ hồ, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 9.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Tấn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Đối với nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn: Chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự (*Viết tắt là BLTTDS*).

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Tấn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T và giao 02 con chung tên là Nguyễn Tấn Đ - sinh ngày 19/01/2017 và Nguyễn Khánh M - sinh ngày 29/12/2021 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Tấn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với ông Nguyễn Tấn T có nơi cư trú tại khu phố 4, phường MB, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS; xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] *Về việc vắng mặt nguyên đơn, bị đơn:* Tại “Đơn xin xét xử vắng mặt” ngày 06/6/2023, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim T xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, những ý kiến đã khai tại Tòa án. Ông Nguyễn Tấn T đã được Tòa án tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của BLTTDS; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Tấn T chung sống hạnh phúc từ năm 2016 đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng có mâu thuẫn về tiền bạc, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp được các vấn đề của đời sống chung nên cãi vã. Vợ chồng không sống chung đã nửa năm, bỏ mặc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Ông T không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án tạo điều kiện về thời gian để hàn gắn với bà T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải, phân tích, động viên và tạo điều kiện về thời gian để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà T, ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Thực tế này phù hợp với xác nhận của UBND phường MB tại “Đơn xin xác nhận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân” ngày 10/5/2023: “... vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Tấn T nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2020 và kéo dài đến nay không hàn gắn được, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, hiện ông T đã bỏ mẹ con bà T để về nhà cha mẹ ruột sống ...”. Thấy rằng, không nên duy trì một quan hệ hôn nhân chỉ dựa vào yêu cầu đơn phương của một bên. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn đối với ông Nguyễn Tấn T là phù hợp.

[2.2] *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Tấn T có 02 con chung là Nguyễn Tấn Đ - sinh ngày 19/01/2017 và Nguyễn Khánh M - sinh ngày 29/12/2021; bà T yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng mỗi con 1.500.000 đồng. Ông T có ý kiến không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không sống chung; các cháu Đ và M sống với bà T. Để đảm bảo cho sự ổn định về nơi ở, đảm bảo được sự phát triển toàn diện của con. Đối chiếu với công việc làm nghề may và mức thu nhập bình quân hàng tháng của bà T khoảng 6.000.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung.

[2.3] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu ông Nguyễn Tấn T cấp dưỡng nuôi con mỗi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Xét nhu cầu thiết yếu cuộc sống của một đứa trẻ hiện nay và công việc hiện tại của ông T là phụ hồ, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 9.000.000 đồng. Do đó nghĩ nên buộc ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi con mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Tấn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm phần ly hôn. Ông Nguyễn Tấn T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm phần cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn ông Nguyễn Tấn T.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Kim T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Tấn Đ - sinh ngày 19/01/2017 và Nguyễn Khánh M - sinh ngày 29/12/2021.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Tấn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng/01 người con; thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2023 cho đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004878 ngày 27/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận; như vậy bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn Tấn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí

Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn - quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng Đ hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- **UBND phường MB (Số 77 ngày 28/11/2017);**
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng